

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên  
Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học DL Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-BGD&ĐT, ngày 30/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học DL Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy;

Theo đề nghị của Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên, xét tình hình và điều kiện thực tế của nhà trường;

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

**Điều 2:** Quyết định này được áp dụng từ học kỳ I, năm học 2009 - 2010.

**Điều 3:** Các ông, bà Trường, Phó các khoa, phòng, ban, toàn thể cán bộ, giảng viên, cố vấn học tập, nhân viên và học sinh, sinh viên trong Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu P.CTHSSV.P.HCQT.



GS, TS. Đào Văn Lượng

## QUY CHẾ

### Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-DSG-CTHSSV ngày 11 tháng 01 năm 2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này cụ thể hóa Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên (HS - SV) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bao gồm các nội dung về tiêu chí đánh giá, khung điểm, phân loại kết quả, quy trình đánh giá, tổ chức quản lý công tác đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.
2. Quy chế này áp dụng đối với HS - SV hệ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chính quy đang theo học tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

#### Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV Trường nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo HS - SV Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành, bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể, phù hợp với mục tiêu đào tạo và hoạt động của Trường, tạo điều kiện cho HS - SV có môi trường rèn luyện.

#### Điều 3. Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV là việc làm thường xuyên của Trường, các khoa.
2. Quy trình đánh giá phải đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

#### Điều 4. Nguyên tắc, nội dung đánh giá và thang điểm

1. Nguyên tắc đánh giá: Những nguyên tắc cần quán triệt khi tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện của từng HS - SV
  - a. Nguyên tắc "phù hợp": Điểm đánh giá rèn luyện của mỗi HS - SV phải phù hợp với mức độ và kết quả phấn đấu của HS - SV.
  - b. Nguyên tắc "giới hạn tối đa": Điểm đánh giá rèn luyện theo từng mặt rèn luyện và tổng điểm đánh giá kết quả rèn luyện của mỗi HS - SV trong từng học kỳ không vượt quá khung điểm tối đa.



- c. Nguyên tắc “không tính trùng”: Mỗi nội dung, kết quả rèn luyện của HS - SV chỉ được xem xét, đánh giá điểm một lần và ở một mặt đánh giá.
  - d. Nguyên tắc “đúng thời hạn”: Không xét bổ sung sau khi Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa đã gửi văn bản cho Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường.
2. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng HS - SV theo các mức điểm đạt được trên các mặt:
    - a. Ý thức học tập;
    - b. Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường;
    - c. Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;
    - d. Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng;
    - e. Ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của HS - SV.
  3. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.
  4. HS - SV có học lực trung bình, không vi phạm các quy định của nhà trường, địa phương cư trú, không tham gia bất kỳ hoạt động tập thể nào trong trường (*từ đây gọi tắt là HS - SV trung bình*): **đánh giá theo mức chuẩn là 55 / 100 điểm** (*chi tiết mức chuẩn theo từng mặt đánh giá thể hiện trong Chương II của Quy định này*).
  5. Dựa vào mức chuẩn điểm rèn luyện trên, HS - SV, cán sự lớp, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm có thể tăng hoặc giảm phù hợp khi đánh giá đối với HS - SV có thành tích tốt trong học tập hoặc ngược lại (*chi tiết các yếu tố tăng hoặc giảm mức chuẩn được thể hiện trong Chương II của Quy định này*).
  6. Ở từng mặt đánh giá, HS - SV có thể có nhiều yếu tố để tăng hoặc giảm điểm rèn luyện so với mức chuẩn, nhưng không được vượt khỏi khung điểm quy định của mặt rèn luyện đó.

## Chương II ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

### Điều 5. Đánh giá về ý thức học tập

1. Căn cứ để xác định điểm là tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia dự thi HS - SV giỏi ở các cấp.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 30 điểm, bao gồm các nội dung:
  - a. Ý thức học tập: từ 0 đến 10 điểm.
  - b. Kết quả học tập: từ 0 đến 12 điểm.
  - c. Tham gia nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham gia các hoạt động học thuật: từ 0 đến 8 điểm.

3. Mức chuẩn đối với HS - SV trung bình:

a. Đối với HS - SV đào tạo theo học chế niên chế:

Stt	Nội dung	Yêu cầu	Mức chuẩn
a <sub>1</sub>	Ý thức học tập	HS - SV đi học đầy đủ, không bỏ tiết, nghỉ học có báo	Đạt 10 điểm
a <sub>2</sub>	Kết quả học tập  - Đối với các học kỳ lẻ (chỉ tính kết quả thi lần một, bao gồm cả các môn thực hành)	+ HS - SV 3 môn thi học kỳ	Đạt 8 điểm
		+ HS - SV rớt nhiều hơn 3 môn thi học kỳ	Đạt 6 điểm
a <sub>2</sub>	- Đối với các học kỳ chẵn	+ HS - SV có điểm trung bình năm học từ 5.00 đến 5.99	Đạt 8 điểm
		+ HS - SV có điểm trung bình năm học < 5.00	Đạt 6 điểm
a <sub>3</sub>	Tham gia nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham gia các hoạt động học thuật	HS - SV không tham gia nghiên cứu khoa học, không nỗ lực nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, không tham gia vài hoạt động học thuật	Đạt 0 điểm

b. Đối với HS - SV đào tạo theo học chế niên chế:

Stt	Nội dung	Yêu cầu	Mức chuẩn
b <sub>1</sub>	Ý thức học tập	HS - SV đi học đầy đủ, không bỏ tiết, nghỉ học có báo	Đạt 10 điểm
b <sub>2</sub>	Kết quả học tập	+ HS - SV có điểm trung bình học kỳ từ 5.00 đến 5.99	Đạt 8 điểm
		+ HS - SV có điểm trung bình học kỳ < 5.00	Đạt 6 điểm
b <sub>3</sub>	Tham gia nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham gia các hoạt động học thuật	HS - SV không tham gia nghiên cứu khoa học, không nỗ lực nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, không tham gia vài hoạt động học thuật	Đạt 0 điểm



4. Các yếu tố để tăng hoặc giảm điểm rèn luyện so với mức chuẩn:

Stt	Nội dung	Yếu tố	So với mức chuẩn
1	Ý thức học tập	Bỏ tiết học	- 1 điểm / lần
		Vi phạm quy chế thi bị lập biên bản	- 10 điểm
2	Kết quả học tập		
	- Đối với các học kỳ lẻ của học chế niên chế	HS - SV chỉ rớt 2 môn thi học kỳ	+ 1 điểm
		HS - SV chỉ rớt 1 môn thi học kỳ	+ 2 điểm
		HS - SV không rớt môn thi học kỳ nào	+ 4 điểm
		Có cố gắng, vượt khó trong học tập ( <i>do Ban Cán sự lớp đánh giá</i> )	+ 2 điểm
	- Đối với các học kỳ chẵn của học chế niên chế	Điểm trung bình từ 6,00 đến 6,99	+ 1 điểm
		Điểm trung bình từ 7,00 đến 7,99	+ 2 điểm
		Điểm trung bình từ 8,00 đến 8,99	+ 3 điểm
		Điểm trung bình $\geq 9,00$	+ 4 điểm
		Điểm trung bình cao hơn năm học ngay trước đó	+ 4 điểm
	- Đối với các học kỳ của học chế tín chỉ	Điểm trung bình từ 6,00 đến 6,99	+ 1 điểm
		Điểm trung bình từ 7,00 đến 7,99	+ 2 điểm
		Điểm trung bình từ 8,00 đến 8,99	+ 3 điểm
		Điểm trung bình $\geq 9,00$	+ 4 điểm
		Điểm trung bình cao hơn học kỳ ngay trước đó	+ 4 điểm
	- Chung cho tất cả các học kỳ	Bị cấm thi	- 2 điểm / môn
	3	Tham gia nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham gia các hoạt động học thuật	Tham gia các buổi hội thảo học thuật do trường, khoa tổ chức
Tham gia các hội thi học thuật do Trường, Khoa, Đoàn – Hội Sinh viên các cấp ( <i>Thành phố, Trường, Khoa</i> ) tổ chức			+ 2 điểm / lần

3	Tham gia nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham gia các hoạt động học thuật	Thành viên tích cực của câu lạc bộ học thuật cấp Khoa, Trường ( <i>Ban Chủ nhiệm câu lạc bộ xác nhận</i> )	+ 3 điểm / lần
		Thành viên các đội thiết kế Robot, Robocon	+ 3 điểm / lần
		Đạt giải trong các kỳ thi chuyên ngành, Olympic, Robocon... ( <i>cao hơn cấp Trường</i> )	+ 7 điểm / lần
		Có tham gia nghiên cứu khoa học của HS - SV hoặc của Khoa, Trường ( <i>đạt yêu cầu, được giảng viên hướng dẫn xác nhận; không tính các bài tập, tiểu luận, đồ án môn học, luận văn</i> )	+ 3 điểm / lần
		Có bằng khen, giấy khen về nghiên cứu khoa học	+ 5 điểm / lần
		Có bài nghiên cứu khoa học được đăng trên kỷ yếu, nội san của khoa, trường	+ 6 điểm / lần
		Có bài báo trong và ngoài nước trong hoạt động nghiên cứu khoa học	+ 8 điểm / lần
		Đạt chứng chỉ ngoại ngữ, tin học quốc gia ( <i>cao hơn học kỳ trước đó</i> )	+ 3 điểm / lần
		Đạt Chứng nhận TOEFL $\geq 400$ điểm, TOEFL iBT $\geq 50$ điểm, IELTS $\geq 5,0$ , TOEIC $\geq 300$ điểm	+ 4 điểm / lần

- Trong nội dung về nghiên cứu khoa học: nếu cùng một đề tài nhưng đạt được nhiều tiêu chí cộng điểm thì chỉ cộng một lần với mức điểm cộng cao nhất.
- Trong nội dung về nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học: nếu cùng lúc đạt nhiều tiêu chí cộng điểm thì chỉ cộng một lần với mức điểm cộng cao nhất.

**Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường**

- Căn cứ để xác định điểm là ý thức và kết quả việc chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong trường.
- Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.
- Mức chuẩn đối với HS - SV trung bình:

Yêu cầu	Mức chuẩn
HS - SV không vi phạm và có ý thức tham gia thực hiện nghiêm túc các quy định của lớp, nội quy, quy chế của Trường, Khoa và các tổ chức trong nhà trường.	Đạt 25 điểm



4. Các yếu tố để giảm điểm rèn luyện so với mức chuẩn:

Stt	Yếu tố	So với mức chuẩn
1	Không tham gia sinh hoạt lớp định kỳ	- 5 điểm / lần
2	Không tham gia các buổi phổ biến quy chế, vắng 01 buổi trong các đợt sinh hoạt công dân định kỳ	- 5 điểm / lần
3	Mặc trang phục không phù hợp với môi trường học đường ( <i>mặc quần lửng, quần cụt, lưng trần quá sâu, váy ngắn quá gối, áo sát nách, áo hai dây, áo hở lưng hở bụng, áo lửng</i> )	- 5 điểm / lần
4	Đẽ tóc không phù hợp môi trường học đường ( <i>tóc nhuộm màu quá sặc sỡ, nhuộm nhiều màu</i> )	- 5 điểm / lần
5	Ngồi trên mặt bàn học, nằm trong phòng học và ngoài hành lang ( <i>trừ những địa điểm được quy định là chỗ nghỉ dành cho sinh viên</i> )	- 5 điểm / lần
6	Khám sức khỏe định kỳ không đúng hạn	- 5 điểm
7	Hút thuốc lá trong khuôn viên nhà trường	Theo văn bản số 72/TB-DSG ngày 22/6/2009
8	Uống rượu bia trong khuôn viên nhà trường, say rượu bia khi đến lớp	- 10 điểm / lần
9	Sử dụng, lưu trữ và truyền bá các loại văn hóa phẩm thiếu lành mạnh	- 10 điểm / lần
10	Đánh bạc, sử dụng ma túy dưới mọi hình thức	- 20 điểm / lần
11	Đánh nhau, gây rối an ninh trật tự trong Trường	- 20 điểm / lần

**Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội**

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao và phòng chống các tệ nạn xã hội.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.
3. Mức chuẩn đối với HS - SV trung bình:

Yêu cầu	Mức chuẩn
HS - SV không tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội trong Trường	Đạt 0 điểm

4. Các yếu tố để tăng điểm rèn luyện so với mức chuẩn:

Stt	Yếu tố	So với mức chuẩn
1	Tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao do lớp, Khoa, Trường tổ chức	+ 2 điểm / lần
2	Thành viên tích cực các đội hình văn nghệ, thể thao cấp Khoa ( <i>Đội trưởng xác nhận</i> )	+ 3 điểm / đội
3	Thành viên tích cực các đội hình văn nghệ, thể thao cấp Trường ( <i>Đội trưởng xác nhận</i> )	+ 5 điểm / đội
4	Tham gia các hoạt động do Trường huy động lực lượng	+ 3 điểm / lần
5	Tham gia các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội do Khoa, Trường tổ chức	+ 3 điểm / lần
6	Phân loại cuối năm đạt đoàn viên xuất sắc	+ 7 điểm
7	Phân loại cuối năm đạt đoàn viên ưu tú	+ 8 điểm
8	Được kết nạp Đảng	+ 15 điểm
9	Là chiến sĩ tình nguyện tham gia ít nhất 1/2 thời gian của chiến dịch Mùa hè xanh	+ 8 điểm
10	Được công nhận là chiến sĩ giỏi của chiến dịch Mùa hè xanh	+ 10 điểm
11	Được khen thưởng cấp Trường trong việc tham gia các hoạt động	+ 5 điểm / lần
12	Được khen thưởng cấp Quận, Thành phố (và tương đương) trong việc tham gia các hoạt động	+ 7 điểm / lần
13	Được khen thưởng cấp Trung Ương (và tương đương) trong việc tham gia các hoạt động	+ 10 điểm / lần

**Điều 8. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng**

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tích trong công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mối quan hệ cộng đồng, tinh thần giúp đỡ bạn bè; cứu mang người gặp khó khăn.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 15 điểm.
3. Mức chuẩn đối với HS - SV trung bình:

Yêu cầu	Mức chuẩn
HS - SV không vi phạm pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương cư trú, kỷ túc xá	Đạt 10 điểm



4. Các yếu tố để tăng hoặc giảm điểm rèn luyện so với mức chuẩn:

Stt	Yếu tố	So với mức chuẩn
1	HS - SV có giấy xác nhận ngoại trú tốt	+ 5 điểm
2	HS - SV có thư khen ngợi hoặc giấy khen ở nơi cư trú	+ 10 điểm
3	HS - SV có tinh thần giúp đỡ bạn bè gặp khó khăn trong học tập, trong cuộc sống ( <i>được tập thể lớp và GVCN xác nhận</i> )	+ 5 điểm
4	Thành viên tích cực các đội hình công tác xã hội từ cấp Khoa trở lên ( <i>Ban Chủ nhiệm đội xác nhận</i> )	+ 2 điểm
5	Được biểu dương, khen thưởng (từ cấp trường trở lên) về tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, về thành tích đấu tranh bảo vệ pháp luật, về hành vi giúp người, cứu người	+ 10 điểm
6	Vi phạm pháp luật, hành chính ở địa phương cư trú, kỷ túc xá, có công văn gửi về Trường	- 10 điểm
7	Có các hành vi không đúng mực trong lớp, trong Trường, gây chia rẽ bè phái làm mất đoàn kết trong tập thể; bản thân gây ảnh hưởng không tốt đối với tập thể	- 10 điểm
8	Sinh viên nộp giấy xác nhận ngoại trú, giấy nhận xét ngoại trú sau thời hạn quy định	- 2 điểm
9	Sinh viên không nộp giấy xác nhận ngoại trú	- 5 điểm

**Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của HS - SV**

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức, mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với HS - SV được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường; và những học sinh, sinh viên khác có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.
3. Mức chuẩn đối với HS - SV trung bình:

Yêu cầu	Mức chuẩn
HS - SV không tham gia các công tác phụ trách lớp, đoàn thể, tổ chức trong nhà trường	Đạt 2 điểm

4. Các yếu tố dễ tăng hoặc giảm điểm rèn luyện so với mức chuẩn:

Stt	Yếu tố	So với mức chuẩn
1	Ban Cán sự lớp; Ban Chấp hành Đoàn – Hội các cấp; Ban Chủ nhiệm các câu lạc bộ, đội, nhóm các cấp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (theo đề nghị của GVCN, Cố vấn học tập, các đoàn thể)	+ 8 điểm
2	Ban Cán sự lớp; Ban Chấp hành Đoàn – Hội các cấp; Ban Chủ nhiệm các câu lạc bộ, đội, nhóm các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo đề nghị của GVCN, Cố vấn học tập các đoàn thể)	+ 7 điểm
3	Ban Cán sự lớp; Ban Chấp hành Đoàn – Hội các cấp; Ban Chủ nhiệm các câu lạc bộ, đội, nhóm các cấp hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ khá (theo đề nghị của GVCN, Cố vấn học tập, các đoàn thể)	+ 6 điểm
4	Ban Cán sự lớp; Ban Chấp hành Đoàn – Hội các cấp; Ban Chủ nhiệm các câu lạc bộ, đội, nhóm các cấp hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ trung bình (theo đề nghị của GVCN, Cố vấn học tập, các đoàn thể)	+ 4 điểm
5	Ban Cán sự lớp; Ban Chấp hành Đoàn – Hội các cấp; Ban Chủ nhiệm các câu lạc bộ, đội, nhóm các cấp không hoàn thành nhiệm vụ (theo đề nghị của GVCN, Cố vấn học tập, các đoàn thể)	- 2 điểm

### Chương III

## PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

### Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

- Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.
  - Từ 90 đến 100 điểm : loại xuất sắc;
  - Từ 80 đến dưới 90 điểm : loại tốt;
  - Từ 70 đến dưới 80 điểm : loại khá;
  - Từ 60 đến dưới 70 điểm : loại trung bình khá;
  - Từ 50 đến dưới 60 điểm : loại trung bình;
  - Từ 30 đến dưới 50 điểm : loại yếu;
  - Dưới 30 điểm : loại kém.
- Những HS - SV bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

### Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

- Phòng Công tác HS - SV ra thông báo hướng dẫn nội dung và tiến độ đánh giá điểm rèn luyện cho các khoa.



2. Tuần học đầu tiên ngay sau học kỳ cần đánh giá, Giáo viên chủ nhiệm - Cố vấn học tập, Ban Cán sự lớp căn cứ quy định tại điều 5, 6, 7, 8, 9 để phổ biến và hướng dẫn HS - SV thực hiện phiếu đánh giá kết quả rèn luyện cá nhân.
3. HS - SV tự xác định mức điểm chi tiết cho bản thân (theo mẫu Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện, phụ lục 1) và nộp về Ban Cán sự lớp đúng thời hạn quy định. HS - SV không nộp phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của mình cho lớp theo đúng thời gian quy định thì điểm rèn luyện của học kỳ đó được tính là 0 điểm và xếp loại kém.
4. Giáo viên chủ nhiệm – Cố vấn học tập, Ban Cán sự lớp tổ chức họp lớp, tiến hành xem xét thông qua mức điểm của từng HS - SV trên cơ sở phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể sinh viên lớp và phải có biên bản kèm theo.
5. Ban Cán sự lớp nộp về Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa: Bảng tổng hợp kết quả đánh giá và phân loại rèn luyện của tập thể lớp, có ký xác nhận của lớp trưởng, Giáo viên chủ nhiệm – Cố vấn học tập (bản in và tập tin điện tử), biên bản họp lớp theo đúng thời gian quy định, phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của toàn lớp.
6. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa: tiếp nhận tiến hành xem xét, tham mưu cho Trường khoa (hoặc Phó khoa do Trường khoa ủy quyền) ký xác nhận; nộp về Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường (thông qua Phòng Công tác HS - SV) theo thời gian quy định.
7. Phòng Công tác HS - SV tiến hành tổng hợp, căn cứ các quyết định khen thưởng, kỷ luật sinh viên trong học kỳ đánh giá đề nghị lập danh sách, quyết định trình Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HS - SV) công nhận kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên.
8. Kết quả đánh giá, phân loại của HS - SV được công bố công khai và thông báo cho HS - SV biết.

#### Chương IV TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

##### Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. **Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV cấp Trường:** là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HS - SV) xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng HS - SV và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HS - SV).
  - a. Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:
    - Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HS - SV.
    - Thường trực Hội đồng: Trưởng / Phó phòng Công tác HS - SV.
    - Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, chuyên viên Phòng Công tác HS - SV phụ trách công tác đánh giá rèn luyện HS - SV, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Trường.



b. Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV cấp Trường:

- Căn cứ vào các quy định, quy chế hiện hành về học tập, rèn luyện của HS - SV do nhà trường ban hành, trên cơ sở đề nghị của các Trường khoa (hoặc Phó khoa do Trường khoa ủy quyền), tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng HS - SV, đề nghị Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HS - SV) công nhận.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thông tin để các Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Khoa thực hiện công tác đánh giá hiệu quả, chính xác.

2. **Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV cấp Khoa:** là đơn vị tư vấn, giúp Trường khoa (hoặc Phó trưởng khoa do Trường khoa ủy quyền) xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng HS - SV.

a. Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trường khoa hoặc Phó trưởng khoa do Trường khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Trợ lý theo dõi công tác HS - SV, Giáo viên chủ nhiệm – Cố vấn học tập, đại diện Đoàn Thanh niên, Liên chi Hội Sinh viên cấp Khoa.

b. Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV cấp Khoa:

- Căn cứ đề nghị của Giáo viên chủ nhiệm – Cố vấn học tập, tập thể lớp HS - SV giúp Trường / Phó khoa đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng HS - SV trong khoa.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thông tin để các lớp HS - SV thực hiện công tác đánh giá hiệu quả, chính xác.

- Theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện đánh giá rèn luyện của các lớp HS - SV đúng quy trình, tiến độ theo quy định.

### **Điều 13. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng HS - SV được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.
2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết được quy định tại điều 5, 6, 7, 8, 9 của Quy chế này.
3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

- Điểm rèn luyện của học kỳ 7 đối với hệ Đại học được tính là điểm rèn luyện của năm thứ 4 (năm cuối) và làm cơ sở tính xét học bổng, giảm học phí cho học kỳ 8.

- Điểm rèn luyện của học kỳ 5 đối với hệ Cao đẳng được tính là điểm rèn luyện của năm thứ 3 (năm cuối) và làm cơ sở tính xét học bổng, giảm học phí cho học kỳ 6.



- Điểm rèn luyện của học kỳ 3 đối với hệ Trung cấp chuyên nghiệp được tính là điểm rèn luyện của năm thứ 2 (năm cuối) và làm cơ sở tính xét học bổng, giảm học phí cho học kỳ 4.

HS - SV nghỉ học tạm thời (tạm dừng), khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình chung của điểm rèn luyện các năm học của khoá học.

#### **Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện**

1. Kết quả phân loại rèn luyện theo từng học kỳ và năm học của từng HS - SV được sử dụng làm cơ sở xét miễn giảm học phí, cấp các loại học bổng, khen thưởng, kỷ luật của Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp.
2. Kết quả phân loại rèn luyện chi tiết toàn khóa học của từng HS - SV được lưu trong hồ sơ quản lý HS - SV của trường và ghi vào bảng điểm kết quả rèn luyện của từng HS - SV khi ra trường.
3. HS - SV có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.
4. HS - SV bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

#### **Điều 15. Quyền khiếu nại**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường công bố kết quả đánh giá, HS - SV có quyền gửi đơn khiếu nại đến Thường trực Hội đồng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn khiếu nại, Thường trực Hội đồng có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành, tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng (hoặc Hiệu phó phụ trách công tác HS - SV) sau mỗi đợt đánh giá.

#### **Điều 16. Lưu trữ hồ sơ**

Hồ sơ kết quả đánh giá rèn luyện của HS - SV được lưu trữ tại Phòng Công tác HS - SV, bao gồm:

1. Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HS - SV do HS - SV thực hiện.
2. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá và phân loại rèn luyện của tập thể lớp.
3. Biên bản họp lớp đánh giá.
4. Bảng điểm kết quả rèn luyện của HS - SV đã được Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường công bố.
5. Các loại hồ sơ khen thưởng, kỷ luật của HS - SV có liên quan.
6. Hồ sơ khiếu nại và giải quyết khiếu nại điểm rèn luyện của HS - SV.

**Chương V**  
**HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ SỬA ĐỔI**

**Điều 17. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.
2. Những quy định trái với quy chế này đều bị bãi bỏ.

**Điều 18. Hiệu lực sửa đổi**

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có những vấn đề không phù hợp, Phòng Công tác HS - SV có trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng để xem xét bổ sung hoặc sửa đổi.

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHỆ  
SÀI GÒN  
**GS, TS. Đào Văn Lượng**



Khoa: ..... – Lớp: .....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**  
**KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH – SINH VIÊN**  
**HỌC KỲ ..... – NĂM HỌC: .....**

Họ và tên sinh viên: ..... – MSSV: .....

Nội dung đánh giá	Thang điểm	HIS-SV tự đánh giá	Tập thể lớp đánh giá	CVHT / GVCN kết luận điểm
<b>I. Ý thức và kết quả học tập, nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ, tin học, hoạt động học thuật.</b>	0 – 30			
<i>a.</i> Ý thức học tập	0 – 10			
<i>b.</i> Kết quả học tập	0 – 12			
<i>c.</i> Nghiên cứu khoa học, nâng cao ngoại ngữ, tin học, tham gia các hoạt động học thuật	0 – 8			
<b>II. Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế nhà trường.</b>	0 – 25			
<b>III. Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động công tác xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội.</b>	0 – 20			
<b>IV. Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng.</b>	0 – 15			
<b>V. Ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường.</b>	0 – 10			
<b>Tổng cộng</b>	<b>0 – 100</b>			
<b>Xếp loại</b>				

Học sinh – Sinh viên  
(Ký và ghi rõ họ tên)Lớp trưởng  
(Ký và ghi rõ họ tên)Bí thư chi đoàn  
(Ký và ghi rõ họ tên)CVHT / GVCN  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Khoa: ..... – Lớp: .....

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH – SINH VIÊN  
HỌC KỲ ..... – NĂM HỌC: .....

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	I			II	III	IV	V	TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
			a	b	c							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
...												

Lớp trưởng  
(Ký và ghi rõ họ tên)Bi thư chi đoàn  
(Ký và ghi rõ họ tên)CVHT / GVCM  
(Ký và ghi rõ họ tên)Thư ký khoa  
(Ký và ghi rõ họ tên)Trưởng khoa  
(Ký và ghi rõ họ tên)**Chú ý:**

- Cột (11) = (4) + (5) + (6) + (7) + (8) + (9) + (10).
- Cột (12) được xác định theo cột (11), cụ thể:
 

<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ 90 đến 100 điểm : Xuất sắc;</li> <li>○ Từ 80 đến dưới 90 điểm : Tốt;</li> <li>○ Từ 70 đến dưới 80 điểm : Khá;</li> <li>○ Từ 60 đến dưới 70 điểm : Trung bình khá;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ 50 đến dưới 60 điểm : Trung bình;</li> <li>○ Từ 30 đến dưới 50 điểm : Yếu;</li> <li>○ Dưới 30 điểm : Kém.</li> </ul>
--	--
- Nếu HSSV không thực hiện Phiếu tự đánh giá thì để trống từ cột (4) đến cột (10), cột (11) ghi "0", cột (12) ghi "Kém", cột (13) ghi "\*\*\*".
- Trước khi in nhớ xóa phần chú ý.